

Số: 3153/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 06 tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao quyền tự chủ tài chính cho một số đơn vị sự nghiệp công lập  
trực thuộc Sở Y tế tỉnh Đồng Nai năm 2023  
và giai đoạn 2023-2025 (đợt 5)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của  
Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ  
trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính  
của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể  
đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 7126/TTr-SYT ngày 22  
tháng 11 năm 2023 về việc giao quyền tự chủ tài chính cho một số đơn vị sự  
nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế tỉnh Đồng Nai năm 2023 và giai đoạn 2023-  
2025 (đợt 5) và ý kiến của Giám đốc Sở Tài chính tại Văn bản số 7227/STC-  
TCHCSN ngày 21 tháng 11 năm 2023 về việc ý kiến phương án tự chủ tài chính  
của các đơn vị sự nghiệp công lập (đợt 5).*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao quyền tự chủ tài chính cho 06 đơn vị sự nghiệp công lập trực  
thuộc Sở Y tế tỉnh Đồng Nai năm 2023 và giai đoạn 2023-2025, cụ thể như sau:

1. Phân loại 01 đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách Nhà nước đảm  
bảo toàn bộ chi thường xuyên (nhóm 4): Trung tâm Y tế huyện Định Quán.

2. Phân loại 05 đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách Nhà nước đảm  
bảo một phần chi thường xuyên (nhóm 3):

- a) Trung tâm Y tế thành phố Biên Hòa;
- b) Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Cửu;
- c) Trung tâm Y tế huyện Thống Nhất;
- d) Trung tâm Y tế huyện Trảng Bom;
- e) Trung tâm Y tế huyện Cẩm Mỹ;



3. Mức kinh phí ngân sách Nhà nước cấp vào năm đầu thời kỳ ổn định cho các đơn vị nêu trên chi tiết theo phụ lục đính kèm.

**Điều 2.** Căn cứ vào phân loại đơn vị sự nghiệp và kinh phí ngân sách nhà nước cấp chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định nêu tại Điều 1 Quyết định này, Sở Y tế chỉ đạo các đơn vị trực thuộc có trách nhiệm tổ chức thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Y tế, Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, các Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
Q. CHỦ TỊCH



Võ Tấn Đức







**Phụ lục**  
**MỨC KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CẤP CHO CÁC ĐƠN VỊ SỰ**  
**NGHIỆP CÔNG LẬP VÀO NĂM ĐẦU THỜI KỲ ỔN ĐỊNH**

(Kèm theo Quyết định số 3153/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

| STT        | TÊN ĐƠN VỊ                                                                                                               | Tỷ lệ<br>tự đảm<br>bảo chi<br>thường<br>xuyên<br>(%) | MỨC NGÂN<br>SÁCH HỖ TRỢ<br>(Đơn vị tính: Triệu<br>đồng) |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Đơn vị do Ngân sách đảm bảo toàn bộ</b>                                                                               |                                                      |                                                         |
| 1          | Trung tâm Y tế huyện Định Quán                                                                                           | 4                                                    | 28.768                                                  |
| <b>II</b>  | <b>Đơn vị tự đảm bảo từ 10% đến dưới<br/>30% chi thường xuyên</b>                                                        |                                                      |                                                         |
| 1          | Trung tâm Y tế thành phố Biên Hòa                                                                                        | 22                                                   |                                                         |
|            | - Khối khám bệnh, chữa bệnh                                                                                              |                                                      | 13.389                                                  |
|            | - Nhiệm vụ y tế dự phòng (bao gồm cả<br>trạm y tế xã, phường, thị trấn), nâng cao<br>sức khỏe, dân số, an toàn thực phẩm |                                                      | 39.817                                                  |
| <b>III</b> | <b>Đơn vị tự đảm bảo từ 30% đến dưới<br/>70% chi thường xuyên</b>                                                        |                                                      |                                                         |
| 1          | Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Cửu                                                                                            | 42                                                   |                                                         |
|            | - Khối khám bệnh, chữa bệnh                                                                                              |                                                      | 15.932                                                  |
|            | - Nhiệm vụ y tế dự phòng (bao gồm cả<br>trạm y tế xã, phường, thị trấn), nâng cao<br>sức khỏe, dân số, an toàn thực phẩm |                                                      | 19.569                                                  |
| 2          | Trung tâm Y tế huyện Thống Nhất                                                                                          | 52                                                   |                                                         |
|            | - Khối khám bệnh, chữa bệnh                                                                                              |                                                      | 6.812                                                   |
|            | - Nhiệm vụ y tế dự phòng (bao gồm cả<br>trạm y tế xã, phường, thị trấn), nâng cao<br>sức khỏe, dân số, an toàn thực phẩm |                                                      | 19.015                                                  |
| 3          | Trung tâm Y tế huyện Trảng Bom                                                                                           | 60                                                   |                                                         |
|            | - Khối khám bệnh, chữa bệnh                                                                                              |                                                      | 9.129                                                   |

| STT | TÊN ĐƠN VỊ                                                                                                               | Tỷ lệ<br>tự đảm<br>bảo chi<br>thường<br>xuyên<br>(%) | MỨC NGÂN<br>SÁCH HỖ TRỢ<br>(Đơn vị tính: Triệu<br>đồng) |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
|     | - Nhiệm vụ y tế dự phòng (bao gồm cả<br>trạm y tế xã, phường, thị trấn), nâng cao<br>sức khỏe, dân số, an toàn thực phẩm |                                                      | 26.456                                                  |
| 4   | Trung tâm Y tế huyện Cẩm Mỹ                                                                                              | 62                                                   |                                                         |
|     | - Khối khám bệnh, chữa bệnh                                                                                              |                                                      | 5.000                                                   |
|     | - Nhiệm vụ y tế dự phòng (bao gồm cả<br>trạm y tế xã, phường, thị trấn), nâng cao<br>sức khỏe, dân số, an toàn thực phẩm |                                                      | 22.922                                                  |